

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 30/10/2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hôi thâm nhân dân:

- ## 2. Bà Cù Thị Phương Trang

Thành phố Hồ Chí Minh.

260/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Địa chỉ: số 342 Lô B Chung cư Q, Phường h, Quận m, Thành phố H

- Địa chỉ: 342 Lô B Chung cư Q, Phường h, Quận m, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Kết nối số 130 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/12/2001.

đi học. Nay con bà đã lớn, tự con có thể đi học nên nay mâu thuẫn không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông V. Căn nhà bà và ông V đang ở là của cha mẹ bà, bà là người con duy nhất của cha mẹ bà; công việc của bà là bán quần áo ở chợ Hòa Bình, thu nhập mỗi tháng 20.000.000 đồng.

và Đoàn Quốc B, sinh ngày 06/02/2006. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 2 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn- Ông Đoàn Quốc V tại bản tự khai trình bày: Ông xác định quá trình vợ chồng chung sống và kết hôn đúng như bà M trình bày, vợ chồng ít tâm sự nói chuyện, không ai can thiệp vào đời tư của ai, mặc dù vợ chồng ông 09 năm nay đã ly thân, không còn chung sống, không quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2009 đến nay nhưng vẫn ở chung nhà vì con. Nay bà Myêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn là vì con, ông không muốn con ông bị tổn thương về mặt tinh thần. Nếu trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì ông không đồng ý giao 02 con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng mà ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay căn nhà ông đang ở là do mẹ vợ đứng tên sở hữu, ông không có đứng tên sở hữu căn nhà nào khác ở Thành phố Hồ Chí Minh. Việc làm của ông là giao hàng thu nhập mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ông Vhâu, sinh ngày 11/05/2003 và Đoàn Quốc B, sinh ngày 06/02/2006.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 130 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/12/2001 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay bà Myêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – ông V hiện đang cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai bà M xác định : Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, không bình đẳng, vợ chồng chửi bới xúc phạm nhau, vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2009 đến nay và bà đã cắt đứt mọi mối quan hệ bên chồng, bà và ông V ở chung nhà là để có người đưa rước con, nay 02 con đã lớn nên bà yêu cầu ly hôn.

Ông V cũng xác định vợ chồng ít tâm sự nói chuyện, không ai can thiệp vào đời tư của ai, vợ chồng ông 09 năm nay đã ly thân, không còn chung sống, không

quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2009 đến nay nhưng vẫn ở chung nhà vì con. Nay bà Myêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn là vì con, ông không muốn con ông bị tổn thương về mặt tinh thần.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và bà ông V trầm trọng, vợ chồng không còn quan hệ, chung sống đã lâu, hai bên không thể hàn gắn giải quyết được mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu ly hôn của bà M đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cho bà M ly hôn với ông V.

[2.2] Đối với yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung:

Xét 02 trẻ hiện nay đang học tập sinh sống ở Quận 10 chung với mẹ; thu nhập của bà M là 20.000.000 đồng/ tháng, với mức thu nhập nêu trên bà M có điều kiện về vật chất để chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của 2 con; đồng thời bà M có nhà ở chung với mẹ, điều này bảo đảm được chỗ ở ổn định cho 2 con để 02 con có điều kiện sinh sống và học tập; mặt khác nguyện vọng của 2 trẻ muốn được ở với mẹ. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao 02 con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét thu nhập của ông V mỗi tháng 4.000.000 đồng; ông V không có nhà ở, do đó không có điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con; vì vậy yêu cầu của ông V được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Bà M không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông V khai không có, không xem xét.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn Ông Đoàn Quốc V.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Ông Vhâu, sinh ngày 11/05/2003 và Đoàn Quốc B, sinh ngày 06/02/2006 cho Bà Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Đoàn Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông V khai không có, nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà M đã nộp theo biên lai số AA/2018/0017829 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo : Bà Nguyễn Thị Tuyết M và Ông Đoàn Quốc V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Đường sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú